

Bản án số: 05/2020/DSST.

Ngày: 28-02-2020.

V/v: “Kiện tranh chấp HĐ
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO.

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Vũ.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Mạnh Adrong – Cán bộ hưu trí.

2. Bà H'Uyên Ayun – Ủy viên ban thường trực UBMTTQ huyện Ea H'Leo.

-Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Công Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên tòa: Ông Hồ Quang Phúc.

Ngày 28/02/2020 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 443/2019/TLST-DS, ngày 05/12/2019, về việc “Kiện tranh chấp HĐ vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐST-DS ngày 12/02/2020 giữa:

Nguyên đơn: Ông Cao Duy T, sinh năm 1965 và bà Hồ Thị H, sinh năm 1967.

Bà H ủy quyền cho ông T tham gia tố tụng. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 11, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Đào Văn Á, sinh năm 1970 và bà Bùi Thị H, sinh năm 1973. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 4a, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông T là nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/4/2019 vợ chồng ông Á, bà H vay của ông T số tiền 140.000.000 đồng, ngày 16/7/2019 ông Á, bà H viết giấy cam kết sẽ trả tiền vào ngày 06/8/2019. Cho đến nay ông Á, bà H vẫn chưa trả nợ cho ông T, nay ông T yêu cầu ông Á, bà H phải trả số tiền còn nợ trong thời gian sớm nhất. Ông T chỉ yêu cầu trả lại số tiền nợ là 140.000.000 đồng, ông T không yêu cầu tính lãi suất. Ngoài ra, ông T không có yêu cầu nào khác.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Á, bà H. Trước khi ông Á, bà H vay ông T số tiền 140.000.000 đồng, ông T có giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Á, bà H. Do ông Á, bà H không trả được nợ cho ông T, nên ông T chưa trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Á, bà H.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Á, bà H là bị đơn trình bày:

Ông Á, bà H thừa nhận vào ngày 30/4/2019 ông Á, bà H có ký xác nhận nợ ông T số tiền 140.000.000 đồng và hẹn đến ngày 06/8/2019 trả. Lý do ông Á, bà H chưa trả được nợ cho ông T là do trước đó ông T kê khai làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã kê khai cả phần đất của ông Á, bà H (đất ông T giáp ranh đất ông Á). Sau đó, ông Á, bà H đã yêu cầu ông T trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục vay tiền ngân hàng, nhưng ông T không trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông T cho ông Á, bà H vay số tiền này. Nay ông Á, bà H chấp nhận trả cho ông T số tiền 140.000.000 đồng, nhưng ông Á, bà H yêu cầu ông T trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông T giữ để ông Á, bà H thế chấp vay tiền Ngân hàng để trả nợ cho ông T, nếu ông T không trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Á, bà H không có tiền trả cho ông T.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng trình tự theo quy định của pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự tại phiên tòa thể hiện việc ông T khởi kiện yêu cầu ông Á, bà H trả cho ông T 140.000.000 đồng tiền nợ là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Do ông Á, bà H nợ ông T số tiền 140.000.000 đồng đến hạn ông Á, bà H không trả nợ, nên ông T đã khởi kiện tại Tòa án và Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Á, bà H công nhận là có vay và nợ ông T số tiền là 140.000.000 đồng, ông Á, bà H ký xác nhận nợ và hẹn trả nợ vào ngày 06/8/2019, nhưng do ông T đang giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Á, bà H, nên ông Á, bà H không thể vay vốn tại Ngân hàng để trả nợ cho ông T được. Theo yêu cầu của ông T, ông Á, bà H chấp nhận trả cho ông T số tiền 140.000.000 đồng, nhưng ông Á, bà H yêu cầu ông T trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông

T đang giữ để ông Á, bà H thế chấp vay tiền Ngân hàng để trả nợ cho ông T, nếu ông T không trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Á, bà H không có tiền trả nợ cho ông T.

Như vậy, có đủ căn cứ để xác định ông Á, bà H có nợ ông T số tiền 140.000.000 đồng cho đến nay vẫn chưa trả nợ cho ông T. Việc thiết lập hợp đồng vay tài sản giữa ông T và ông Á, bà H là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên đây là giao dịch hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Việc ông Á, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông T làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, nên việc ông T khởi kiện yêu cầu ông Á, bà H phải trả số tiền 140.000.000 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

Trước khi thực hiện giao dịch vay tài sản, ông T thừa nhận có giữ của ông Á, bà H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 259110 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 29/3/2019 cho ông Á, bà H. Tuy nhiên, hai bên không lập hợp đồng thế chấp tài sản theo quy định của pháp luật, nên việc ông Á, bà H yêu cầu ông T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ.

Về lãi suất: Do ông T không yêu cầu tính lãi suất nên không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận, nên cần buộc ông Á, bà H phải chịu toàn bộ tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Duy T và bà Hồ Thị H.

Buộc ông Đào Văn Á và bà Bùi Thị H trả cho ông Cao Duy T và bà Hồ Thị H 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Buộc ông Cao Duy T trả lại cho ông Đào Văn Á và bà Bùi Thị H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 259110 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 29/3/2019.

Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 6 Điều 19; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Đào Văn Á và bà Bùi Thị H phải chịu 7.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho lại cho ông Cao Duy T 3.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, theo biên lai số AA/2019/0001231 ngày 29/11/2019.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'Leo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

Đã ký

Nguyễn Huy Vũ